



Thành viên



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION For Freedom
Vietnam

TÀI LIỆU
SEMINAR NGHIÊN CỨU KINH TẾ
VÀ CHIẾN LƯỢC TRUNG QUỐC SỐ 30

“ THƯƠNG CHIẾN MỸ - TRUNG
VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM “

Hà Nội, 7/2019



Thành viên



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION For Freedom
Vietnam

GIỚI THIỆU VỀ VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH (VEPR)

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), tiền thân là Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, là một viện nghiên cứu trực thuộc Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. VEPR có tư cách pháp nhân, đặt trụ sở chính tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Mục tiêu của VEPR là thực hiện các nghiên cứu kinh tế và chính sách nhằm giúp nâng cao chất lượng ra quyết định của các cơ quan hoạch định chính sách, doanh nghiệp và các nhóm lợi ích, dựa trên sự thấu hiểu bản chất của những vận động kinh tế và quá trình điều hành chính sách vĩ mô ở Việt Nam. Hoạt động chính của VEPR bao gồm:

1. Phân tích định lượng và định tính các vấn đề của nền kinh tế Việt Nam và tác động của chúng tới các nhóm lợi ích;
2. Tổ chức các hội thảo đối thoại chính sách với mục đích tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức xã hội cùng gặp gỡ, trao đổi nhằm đề xuất giải pháp cho các vấn đề chính sách quan trọng hiện hành;
3. Tổ chức các khóa đào tạo cao cấp về kinh tế, tài chính và phân tích chính sách.

GIỚI THIỆU VỀ VCES

CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KINH TẾ TRUNG QUỐC THUỘC VEPR

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc (VCES) là chương trình nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề liên quan tới kinh tế Trung Quốc, thuộc Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương trình hướng tới các mục tiêu sau:

1. Tổng hợp, xây dựng dữ liệu nguồn về kinh tế Trung Quốc; Cung cấp thông tin, cập nhật và dự báo tình hình kinh tế Trung Quốc;
2. Thực hiện các nghiên cứu về kinh tế Trung Quốc, bao gồm cả nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu chính sách;
3. Tư vấn chính sách trong các vấn đề kinh tế Trung Quốc và quan hệ kinh tế Việt – Trung.

Chương trình dự tính cho ra các sản phẩm bao gồm (1) Báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế vĩ mô của Trung Quốc; (2) Báo cáo thường niên về Kinh tế Trung Quốc; (3) Các dự án, chương trình nghiên cứu liên quan tới kinh tế Trung Quốc trong mối tương quan với khu vực và tác động tới Việt Nam; (4) Các báo cáo chuyên đề về những vấn đề nổi bật về tình hình kinh tế – chính trị – xã hội của Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam; (5) Các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế nhằm tạo ra một diễn đàn để các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách cùng trao đổi, thảo luận nhằm đưa ra những gợi mở, khuyến nghị đối với Việt Nam trong quan hệ kinh tế – chính trị với Trung Quốc; (6) Các khóa học, các chương trình đào tạo và báo cáo tư vấn có liên quan tới kinh tế Trung Quốc.

GIỚI THIỆU VỀ CHUỖ SEMINAR NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHIẾN LƯỢC TRUNG QUỐC

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES) tổ chức chuỗi Seminar “Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Trung Quốc” định kỳ 2 tháng/lần nhằm thúc đẩy hoạt động trao đổi khoa học của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến kinh tế, chính trị Trung Quốc. Cho đến nay, VCES đã tổ chức thành công 23 số Seminar:

1. Chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc sau khủng hoảng năm 2008
2. Các lợi ích của việc hợp tác hàng hải tại khu vực Đông Á
3. Vấn đề nhập siêu trong quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc từ 2001-2013
4. Con đường tơ lụa “hai trục” mới của Trung Quốc: Ba cách tiếp cận và một góc nhìn
5. Các chính sách kinh tế đối ngoại mới của Trung Quốc và tác động tới nền kinh tế khu vực Châu Á – Thái Bình Dương
6. Lợi ích của Trung Quốc từ việc chuyển dịch không gian hàng hải: Một tiếp cận liên ngành
7. Sự tiếp nhận mô hình chính trị Trung Hoa của các chính quyền phong kiến Việt Nam:
Những kinh nghiệm và bài học lịch sử
8. Ứng biến với một “Trung Quốc điều chỉnh
9. Liên kết tiểu vùng Trung Quốc - ASEAN
10. Một số đánh giá ban đầu về cải cách quân đội Trung Quốc thời gian gần đây
11. Phụ thuộc kinh tế Việt Nam - Trung Quốc
12. Chương trình hưu trí trong khu vực phi chính thức ở Trung Quốc: Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam
13. Phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực về vụ kiện Philippines - Trung Quốc và một số tác động
14. Chính sách của các nước Đông Nam Á với người Hoa, Hoa kiều và di dân Trung Quốc mới trước sự trỗi dậy của Trung Quốc
15. Đánh giá về tác động của vốn vay Trung Quốc
16. Kết nối chiến lược cơ sở hạ tầng giữa Trung Quốc với các nước ASEAN trong khuôn khổ 'Một Vành đai, Một Con đường'
17. Xu hướng suy giảm sự phụ thuộc và đồng USD ở khu vực Đông Á và cơ hội khu vực hoá đồng RMB
18. Nhận diện chiến lược đối ngoại Trung Quốc đầu thế kỷ XXI từ góc độ lịch sử và lý luận
19. Đại hội 19: Định hình Trung Quốc 10 năm tới
20. Trung Quốc-Hoa Kỳ-EU: Ai sẽ dẫn dắt thương mại toàn cầu?



Thành viên



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION For Freedom

Vietnam

21. Sáng kiến Vành đai, Con đường: Góc nhìn Trung Quốc và hàm ý với Việt Nam"
22. Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Trung Quốc sau Đại hội XIX
23. Hợp tác Mê Công – Lan Thương: Thực trạng và những vấn đề đặt ra
24. Sản xuất tại Trung Quốc 2025 (MIC2025) và hàm ý chính sách đối với Việt Nam.
25. Vai trò của Trung Quốc với 50 năm phát triển ngành điện Việt Nam
26. Ảnh hưởng của đồng Nhân dân tệ tới các quan hệ thương mại của Trung Quốc trong khu vực Châu Á
27. Điều kiện hình thành các khu hợp tác kinh tế qua biên giới
28. Căng thẳng Mỹ - Trung và mối quan hệ địa chiến lược sau ngày 01/03/2019
29. Hiệu quả đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam



Thành viên



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION For Freedom
Vietnam

GIỚI THIỆU VỀ FRIEDRICH NAUMANN FOUNDATION VIETNAM

Viện Friedrich Naumann vì Tự do (FNF) hoạt động ở Đức và khoảng 70 nước khác. Về cơ cấu tổ chức, Viện Trung tâm ở Đức quản lý bảy viện khu vực, và các viện khu vực lại quản lý khoảng 40 văn phòng dự án ở khắp năm châu. Khoảng 250 cán bộ của FNF làm việc trong các dự án với các đối tác sở tại để thúc đẩy các ý tưởng về chính trị khai phóng.

Tất cả hoạt động của FNF đều được xây dựng trên giá trị căn bản về tự do. FNF mong muốn thực hiện các dự án để giúp mọi người trên thế giới được sống trong tự do, nhân phẩm, hòa bình và thịnh vượng. Cùng với các đối tác của mình - trong đó có các đảng chính trị theo khuynh hướng tự do, các mạng lưới khu vực, các viện chính sách, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ - FNF hỗ trợ việc xây dựng các thiết chế dân chủ trên nền tảng nhà nước pháp quyền, và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

FNF chính thức mở văn phòng đại diện tại Việt Nam ngày 18 tháng 9 năm 2012. Bên cạnh việc giúp các đối tác Việt Nam nâng cao năng lực tổ chức, FNF còn hỗ trợ các nghiên cứu chính sách, tổ chức hội thảo và các khóa đào tạo, tài trợ việc dịch và xuất bản sách.

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN

Seminar Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Trung Quốc số 30 “Thương chiến Mỹ - Trung và tác động đối với Việt Nam”

Thời gian: 14h00 – 17h00 ngày 29/07/2019 (thứ Hai)

*Địa điểm: Hội trường tầng 8, nhà E4, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội*

13:30 – 14:00	Đăng ký đại biểu
14:00 – 14:15	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu
14:15 – 14:30	Phát biểu khai mạc: <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội - Đại diện VEPR/VCES - Đại diện Văn phòng Dự án FNF Việt Nam.
14:30 – 15:30	“Thương chiến Mỹ - Trung và tác động đối với Việt Nam” TS. Trần Toàn Thắng hiện đang là Trưởng ban Kinh tế thế giới, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội quốc gia (NCIF)
15:30 – 15:50	Bình luận chuyên gia TS. Nguyễn Ngọc Anh – Trung tâm nghiên cứu chính sách và phát triển (DEPOCEN)
15:50 – 16:30	Hỏi - đáp và thảo luận
16:30 – 17:00	Kết luận và bế mạc

BAN TỔ CHỨC

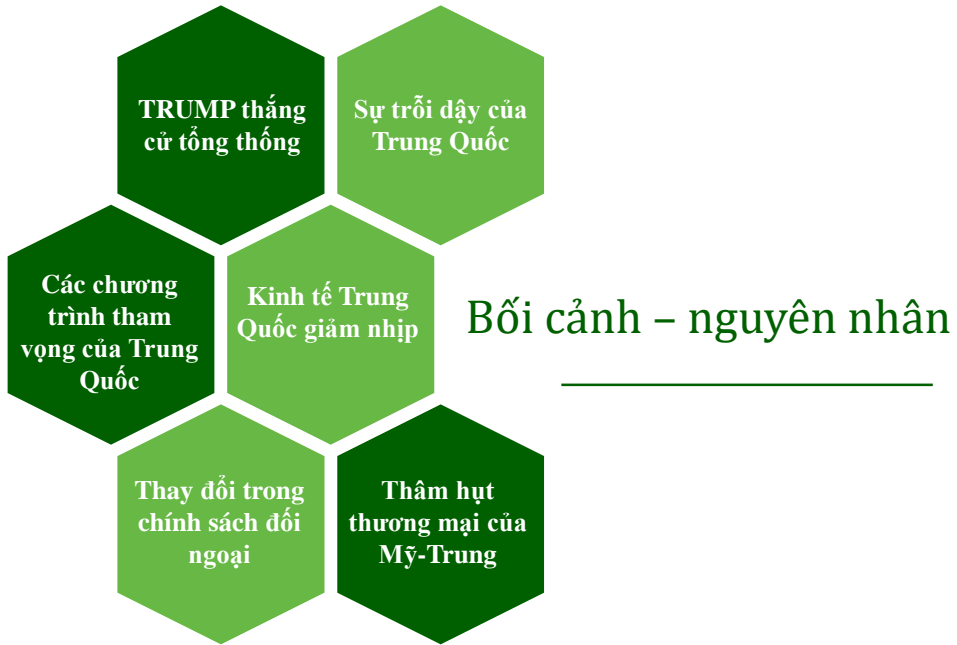


CĂNG THẰNG THƯƠNG MẠI MỸ-TRUNG VÀ TÁC ĐỘNG KINH TẾ VIỆT NAM

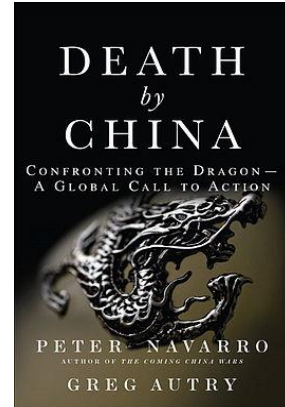
Nội dung



- 01 Bối cảnh, n.nhân
- 02 Diễn biến
- 03 Triển vọng
- 04 Tác động
- 05 Ngụ ý chính sách



TRUMP thắng cử với khẩu hiệu “Make American Great Again”



- 67 tuổi, GS Kinh tế, chính sách công tại ĐH California
- Lấy bằng PhD tại Harvard (1986)
- Bắt đầu nghiên cứu về Trung quốc từ năm 2000.
- Cố vấn trong chiến dịch tranh cử
- Chủ tịch hội đồng Thương mại quốc gia (12/2016)
- Không ủng hộ thương mại tự do

Nhìn nhận về Trung Quốc

Đồng NDT đang làm thiệt hại cho Hoa kỳ

Tấn công tin tặc vào quốc phòng

TQ đang tấn công trên mọi mặt trận

Trung Quốc đang là mối đe dọa lớn nhất với Mỹ

Công ty Mỹ đang bắt tay với TQ huỷ diệt SX của Mỹ

Người Mỹ đang bị đầu độc bằng hàng TQ

Bảo hộ mậu dịch đang lấy mất việc làm của Mỹ

Những đề xuất chính của Navarro

01. TRÁNH BỊ “GIẾT” BỞI HÀNG GIÁ RẺ TRUNG QUỐC

- Thay đổi thái độ tiêu dùng với hàng TQ
- Thắt chặt lỗ hổng trên mạng về xuất xứ hàng hoá
- Cải cách luật bồi thường, nhà nhập khẩu trung gian cũng phải chịu trách nhiệm

02. TƯỚC BỎ VŨ KHÍ “HUỠY DIỆT VIỆC LÀM” CỦA TQ

- Có đạo luật thương mại công bằng với TQ
- Hợp tác và điều phối toàn cầu (huy động sức mạnh tổng hợp từ EU, WTO)
- Khởi xướng chiến tranh thương mại nếu cần

Những đề xuất chính của Navarro

03. GIẢI QUYẾT T. TÚNG TIỀN TỆ

- Cảnh báo về rủi ro khi đầu tư vào TQ (rủi ro công nghệ, nguy cơ xung đột quan sự, thương mại)
- Chặn đứng việc bắt buộc chuyển giao công nghệ
- Chấm dứt sử dụng kiểm duyệt như rào cản NTM (ví dụ facebook bị cấm, internet bị chặn)
- Cấm các SOE Trung Quốc mua các DN tư nhân
- Cần một tổng thống nói và làm một cách trí tuệ nhất

Những đề xuất chính của Navarro

04. Chống lại chủ nghĩa thực dân kiểu mới của TQ. Chặn TQ lạm dụng quyền phủ quyết tại LHQ; Cải tổ các phái đoàn ngoại giao với trọng tâm đối kháng TQ

05. Dùng nhân quyền làm yếu tố chính trong của chính sách đối ngoại Mỹ; Phân tán đầu tư, không tập trung; Hạn chế xuất khẩu công cụ kiểm duyệt internet; Không bị lôi kéo vào chiến tranh vũ trang

06. Không thể thắng TQ bằng số lượng và sức mạnh công nghiệp-> thắng bằng chất lượng Mỹ

Sự trỗi dậy
của Trung Quốc
và các chương
trình đầy tham
vọng

Tăng trưởng ngoạn mục

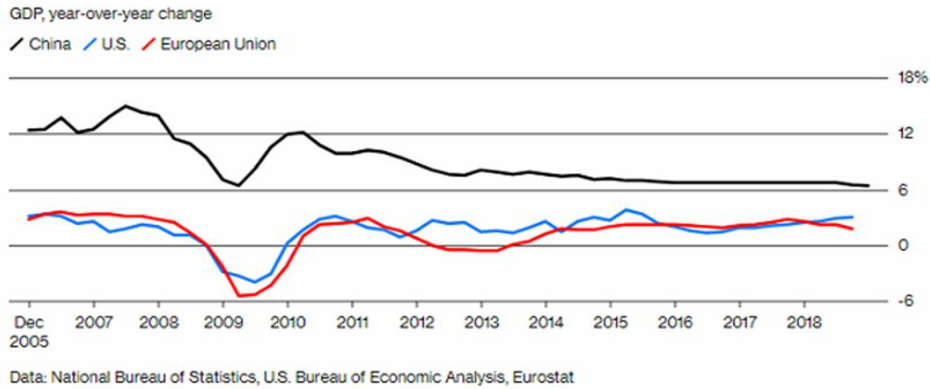
Thay đổi chính sách đối ngoại

- “Giấu mình chờ thời” -> bành trướng trên mọi mặt trận
- Thương mại bùng nổ, tiến vào Châu Phi, Mỹ Latinh
- Mua các công ty công nghệ
- Ép chuyển giao công nghệ
- Đầu tư ra bên ngoài
- Bành trướng trên biển

Những chương trình lớn

- Vành đai và con đường
- Made in China 2025

Tăng trưởng cao trong cả một giai đoạn



Chiến lược "Made in China 2025"

2015-2025: tham gia nhóm các nước lớn về CN, cơ bản hoàn thành công nghiệp hoá, cải thiện năng lực cạnh tranh và năng suất lao động

2025-2035: Công nghiệp sản xuất của Trung Quốc nằm ở mức trung bình trong nhóm các cường quốc công nghiệp

2035-2049: Kỷ niệm 100 năm thành lập đất nước Trung Quốc - đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp, hình thành hệ thống các DN công nghệ hàng đầu

đề xuất lần đầu tiên trong báo cáo công tác của Chính phủ TQ trình bày trước Quốc hội vào tháng 3/2015 – lấy ý tưởng từ chiến lược "Industry 4.0" của Đức



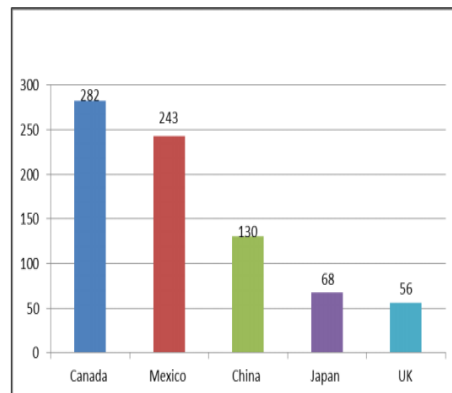
Thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ

1. **Quan hệ đồng minh vs. đối tác (cô lập với đồng minh)**
2. **Rút khỏi các thỏa thuận quốc tế (Biến đổi khí hậu, hiệp ước hạt nhân với Nga)**
3. **Vị thế độc tôn (đang bị đe dọa)**
4. **Thương mại đa phương - > song phương**
5. **Khởi động xung đột thương mại**



Thị trường xuất khẩu của Mỹ (tỷ USD)

Quốc gia	2002	2017	Phần trăm thay đổi 2002-2017
Canada	161	282	75.7%
Mexico	98	243	149.1%
Trung Quốc	22	130	491.2%
Nhật	51	68	31.6%
Anh Quốc	33	56	69.4%
Đức	27	53	100.9%
Hàn Quốc	23	48	113.7%
Hà Lan	18	42	130.3%
Hong Kong	13	40	217.4%
Brazil	12	37	198.8%
Tổng	693	1,547	123.1%



Nguồn : USITC DataWeb.

CÂN CÂN THƯƠNG MẠI MỸ - TRUNG

Tổng kim ngạch				Các mặt hàng chính (tỷ \$)					
Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại	Mã NAIC	Hàng hóa	2016	2017	thay đổi 2016-2017	
1990	3.0	1.1	1.9		3364	Hàng không vũ trụ	14,578	16,273	11.6%
1990	4.8	15.2	-10.4		1111	Hạt và hạt dần	15,524	13,724	-11.6%
2000	16.3	100.1	-83.8		3361	Xe có động cơ	8,317	10,071	21.1%
2010	91.9	365.0	-273.0		3344	Chất bán dẫn và linh kiện điện tử	6,686	6,887	3.0%
2011	104.1	399.4	-295.3		2111	Dầu và khí đốt	1,440	6,856	373.3%
2012	110.5	425.6	-315.1		9100	Chất thải và phế liệu	5,182	5,625	8.5%
2013	121.7	440.4	-318.7		3345	Thiết bị điều hướng / đo / y tế / điều khiển	5,466	5,582	2.1%
2014	123.7	468.5	-344.8		3251	Hóa chất cơ bản	4,595	4,897	6.6%
2015	115.9	483.2	-367.3		3252	Nhựa cao su sợi	3,577	4,123	15.3%
2016	115.6	462.6	-347.0		3254	Dược phẩm và thuốc	2,818	3,401	20.7%
2017	130.4	505.6	-375.2		Tổng		115,602	130,370	12.8%

Nguồn: U.S. International Trade Commission (USITC) DataWeb.
 Nguồn: USITC DataWeb

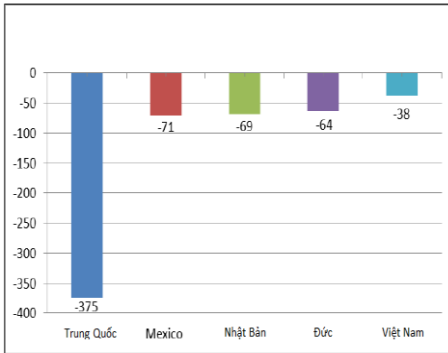
Nhập khẩu của Mỹ từ Trung Quốc

Sản phẩm Mỹ nhập khẩu từ Trung				Nhập khẩu vào Mỹ theo đối tác chính				
Mã NAIC	Hàng hóa	2016	2017	thay đổi 2016-2017	Đối tác	2016	2017	thay đổi 2016-2017
3342	THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG	65,674	77,957	18.7%	Trung Quốc	506		
3341	THIẾT BỊ MÁY TÍNH	52,180	58,609	12.3%	Mexico	314		
3399	HÀNG HÓA SẢN XUẤT KHÁC	34,408	36,497	6.1%	Canada	300		
3152	HÀNG MAY MẶC	25,483	24,559	-3.6%	Nhật Bản	137		
3344	LINH KIỆN ĐIỆN KHÁC VÀ CHẤT BÁN DẪN	18,903	23,158	22.5%	Đức	118		
3371	THIẾT BỊ BẾP, TRANG TRÍ NỘI THẤT GIA ĐÌNH	16,535	18,222	10.2%				
3352	THIẾT BỊ GIA DỤNG	14,062	14,494	3.1%				
3162	GIẤY ĐÉP	14,620	14,074	-3.7%				
3261	SẢN PHẨM NHỰA	12,319	13,771	11.8%				
3363	LINH KIỆN XE	13,117	13,533	3.2%				
Tổng		462,618	505,597	9.3%				

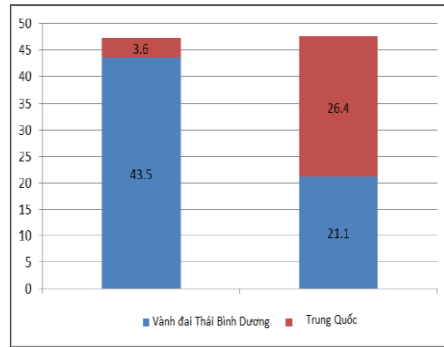
Nguồn: USITC DataWeb

Dịch chuyển của GVC-Thâm hụt thương mại của Mỹ

Thâm hụt thương mại của Mỹ với các đối tác trong năm 2017



Tỷ trọng nhập khẩu từ các quốc gia ven Thái Bình Dương của Mỹ
1990 và 2017



Diễn biến

Cuộc chiến thương mại

Mỹ - Trung

Diễn biến

	Phản ứng của Mỹ	Phản ứng của TQ
20/4/2017	<ul style="list-style-type: none"> Điều tra thép từ TQ và các nước khác có đe dọa an ninh quốc gia hay không? 	<ul style="list-style-type: none"> Phản ứng khá yếu ớt, chủ yếu là một số tuyên bố không rõ ràng.
22/1/2018	<ul style="list-style-type: none"> Áp thuế 30% với tấm pin mặt trời, 20% với máy giặt nhập khẩu (chủ yếu nhằm vào TQ) 	
23/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> Áp thuế bổ sung 25% đối với thép và 10% với nhôm NK (sau đó điều chỉnh không áp dụng với EU, Hàn Quốc và một số đồng minh) 	<ul style="list-style-type: none"> 2/4/2018: Áp thuế với 128 SP từ Mỹ= 2 tỷ USD (120 sp (có trái cây) với mức 15%. 8 SP với mức 25%.

Diễn biến

	Phản ứng của Mỹ	Phản ứng của TQ
3/4/2018	<ul style="list-style-type: none"> Công bố DS 1.334 mặt hàng (50 tỷ\$D từ TQ bị áp mức thuế 25%) dự định bắt đầu vào 8/2018. 	<ul style="list-style-type: none"> 04/04/2018: công bố danh sách 50 tỷ USD bị áp thuế 25% (đậu tương, máy bay, ô tô và hóa chất...). Thời điểm phụ thuộc vào Mỹ
16/4/2018		
3/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> Đàm phán tại TQ không đạt được kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> 19/05/2018, đồng ý mua thêm h.hóa đổi lại ăn áp dụng thuế với 150 tỷ USD XK từ TQ.

Diễn biến

	Phản ứng của Mỹ	Phản ứng của TQ
06/06/2018	<ul style="list-style-type: none"> Bỏ lệnh cấm đối với công ty ZTE, cho phép được mua các l.kiện từ các nhà cung ứng Hòa Kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> 31/05/2018, công bố sẽ cắt giảm thuế đối với h.hóa từ Mỹ gồm t.phẩm và h.hóa g.trị thấp
15/06/2018	<ul style="list-style-type: none"> Cáo buộc TQ vi phạm SHTT công bố DS thuế 25% (34 tỷ USD kể từ 6/7) 	<ul style="list-style-type: none"> Đọa áp thuế bổ sung 25% đối với hơn 600 mặt hàng của Mỹ, tổng trị giá 50 tỷ USD.
6/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> Chính thức áp thuế 25% đối với 34 tỷ \$ 	<ul style="list-style-type: none"> Áp thuế 25% đối với 34 tỷ USD bao gồm n.sản, ô tô và thủy sản...

Diễn biến

	Phản ứng của Mỹ	Phản ứng của TQ
10/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> Liệt kê 6.000 h.hóa=200 tỷ \$ có thể bị áp thuế 10% vào 9/2018. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuyên bố có những đáp trả toàn diện, tuy nhiên không đưa ra các biện pháp cụ thể.
1/8/2018	<ul style="list-style-type: none"> Mỹ đe dọa nâng mức thuế dự kiến 10% đối với 200 tỷ \$ lên mức 25%. 	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 3/8/2018, tuyên bố sẽ áp thuế 60 tỉ \$ (dao động từ 5-25%)
23/8/2018	<ul style="list-style-type: none"> Chính thức áp thuế vòng 2 với mức thuế 25% lên 16 tỉ \$ 	<ul style="list-style-type: none"> Áp thuế 25% đối với 16 tỉ \$

Diễn biến

	Phản ứng của Mỹ	Phản ứng của TQ
17/09/2018	<ul style="list-style-type: none"> Công bố Danh sách 3 (200 tỷ \$) bị áp mức thuế 10% bắt đầu từ 24/09; sau đó tăng lên 25% từ 1/1/2019 	<ul style="list-style-type: none"> 18/9/2018 tuyên bố sẽ tiến hành gói áp thuế trả đũa trị giá 60 tỷ \$
24/9/2019	<ul style="list-style-type: none"> chính thức áp thuế 10% lên 200 tỷ USD 	<ul style="list-style-type: none"> Áp thuế 5-10% lên 60 tỷ USD hàng từ Mỹ
2/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> Hoãn kế hoạch tăng thuế từ 10% lên 25% với Danh sách 3 	<ul style="list-style-type: none"> Tạm dừng áp 25% lên ô tô và 5% lên phụ kiện ô tô trong 3 tháng, K.phục mua dầu đậu tương

Diễn biến

	Phản ứng của Mỹ	Phản ứng của TQ
10/5/2019	<ul style="list-style-type: none"> Chính thức áp thuế 25% 200 tỷ USD theo Danh sách 3 	<ul style="list-style-type: none"> 1/6/2019 Trung Quốc áp thuế quan bổ sung lên 60 tỷ hàng hóa của Mỹ, với các mức 25%, 20% và 10%
	<ul style="list-style-type: none"> ?? 	<ul style="list-style-type: none"> ??
	<ul style="list-style-type: none"> ??? 	<ul style="list-style-type: none"> ??

Diễn biến về DN công nghệ

	Phản ứng của Mỹ	
16/4/2018	Tuyên bố cấm ZTE trong vòng 7 năm (vi phạm giao thương với Iran, N.Korea)	<ul style="list-style-type: none"> Phạt 1 tỷ \$ và 400 triệu USD tiền đặt cọc vào ngân hàng được Mỹ chấp thuận Thay đổi ban lãnh đạo từ cấp phó tổng và những người sai phạm. Phải tiết lộ chi tiết quyền sở hữu và kiểm soát của CP T. quốc đối với ZTE, bao gồm cả các cổ phiếu công và tư.
7/6/2018	Cho phép hoạt động có giới hạn tại Mỹ	<ul style="list-style-type: none"> 01 giám sát của Mỹ làm việc trong ZTE với nhiệm kỳ 3 năm

Diễn biến về DN công nghệ

	Phản ứng của Mỹ	
16/8/2018	<ul style="list-style-type: none"> Đưa Huawei "Danh sách thực thể" cấm các công ty Mỹ bán các SP công nghệ cho các công ty viễn thông Trung Quốc mà không có sự đồng ý của Chính phủ Mỹ) Google ngừng hỗ trợ Androi 	<ul style="list-style-type: none"> TQ lập danh sách "thực thể nước ngoài không đáng tin cậy", nhằm trả đũa
21/6/2019	<ul style="list-style-type: none"> B sung thêm 5 công ty: Higon, Sugon, Chengdu Haiguang Integrated Circuit, Chengdu Haiguang Microelectronics Technology và Viện Nghiên cứu công nghệ máy tính Wuxi Jiangnan. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuyên bố điều tra vào công ty chuyển phát FedEx
30/6/2019	<ul style="list-style-type: none"> Bỏ lệnh cấm Huawei 	

Nhận xét

- Tit for tat về áp thuế
- Cố gắng đánh thuế theo hướng gây ảnh hưởng nhiều nhất cho bên kia, trong khi giảm thiểu thiệt hại
- Ví dụ: 1.102 sản phẩm chủ yếu là hàng nguyên liệu, tập trung vào sản phẩm từ các ngành công nghiệp đóng góp hoặc hưởng lợi từ chính sách công nghiệp “Made in China 2025”.
- Hạn chế sản phẩm tiêu dùng thông thường. Các mặt hàng bị ảnh hưởng nặng nề nhất là máy móc, thiết bị cơ khí, thiết bị điện (34,2 tỷ USD), tạp phẩm (6,8 tỷ USD) và xe cộ, máy bay (2.7 tỷ USD).
- Áp thuế+đe dọa+ đàm phán
- Lock in về sản phẩm công nghệ

Triển vọng trong thời gian tới

3 điều kiện cho một thỏa thuận thương mại (Trung Quốc)

- (1) dỡ bỏ hoàn toàn thuế quan bổ sung áp lên hàng hóa Trung Quốc;
- (2) đặt ra mục tiêu cho việc Trung Quốc mua thêm hàng hóa Mỹ phù hợp với nhu cầu thực tế và;
- (3) đảm bảo nội dung của thỏa thuận là "cân bằng".

- (1) Cần duy trì thuế quan để đảm bảo TQ thực hiện hiệp định
- (2) Mỹ đưa ra yêu cầu cao hơn
- (3) Liên quan đến chuyển giao công nghệ, trợ cấp cho SOEs, tấn công mạng, thực thi SHTT... là những vấn đề cốt lõi và ảnh hưởng dài hạn

Vai trò của trung quốc với kinh tế mỹ

Giá trị của mối quan hệ Trung-Mỹ với Mỹ, 2015		
	Đạt được của việc làm (nghìn)	Thúc đẩy GDP
Xuất khẩu trực tiếp tới TQ	1,467	0.7
Xuất khẩu gián tiếp tới TQ*	296	0.2
Thu nhập từ FDI ra nước ngoài	688	0.3
FDI vào từ Trung Quốc	104	0.1
Tổng	2,555	1.2
Tăng năng suất từ tăng hội nhập	0.2 phần trăm tăng thêm trong năng suất	
* Xuất khẩu gián tiếp là xuất khẩu từ Mỹ tới các quốc gia khác sau đó được tái xuất đến Trung Quốc		

Nguồn: Oxford Economics

Quan điểm từ Mỹ

Khảo sát của Bloomberg vào 13/5 với 40 chuyên gia kinh tế cấp cao cho thấy:

Về thỏa thuận thương mại

- 2/3 cho rằng Mỹ và Trung Quốc sẽ đi đến một thỏa thuận thương mại vào cuối năm 2019;
- 1/5 cho rằng chỉ có thể đạt thỏa thuận vào năm 2020;
- 1/8 dự báo phải mất ít nhất 5 năm nữa mới đạt được thỏa thuận.

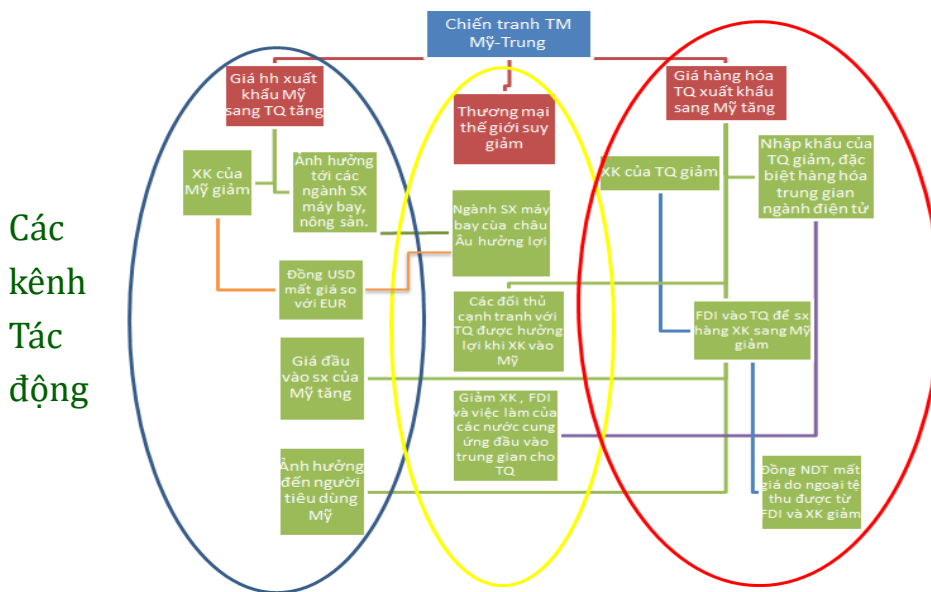
Về đe dọa áp thêm thuế 25% với 325 tỷ USD :

- Hơn 50% cho rằng Mỹ sẽ áp thuế đúng như công bố;
- 30% cho rằng sẽ khó xảy ra;
- 18% cho rằng sẽ xảy ra nhưng với mức thuế thấp hơn 25%;
- trên 2/3 cho rằng việc áp thuế này sẽ diễn ra trong Quý 2 hoặc Quý 3 năm 2019.

Những tính toán của Trung Quốc

- Lôi kéo đồng minh
 - Ký thỏa thuận thương mại 20 tỷ euro với Đức
 - Lôi kéo EU cùng áp thuế lên Mỹ
 - Tập Cận Bình gặp các CEO của doanh nghiệp FDI
 - Mở cửa hơn nữa thị trường tài chính
- Leo thang căng thẳng kiểu Trung Quốc
 - Đánh thuế cao hơn với 130 tỷ USD hàng hoá Mỹ
 - Trả đũa kinh tế kiểu Trung Quốc hay được sử dụng là thông qua các quy định trong nước nhằm vào một số ngành hoặc công ty nhất định để trừng phạt kinh tế thay vì làm công khai

31





Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung: Phân tích định lượng

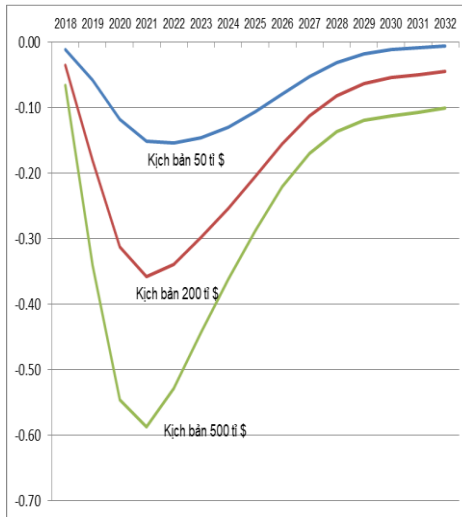
10 mặt hàng của Trung Quốc bị ảnh hưởng nhiều nhất



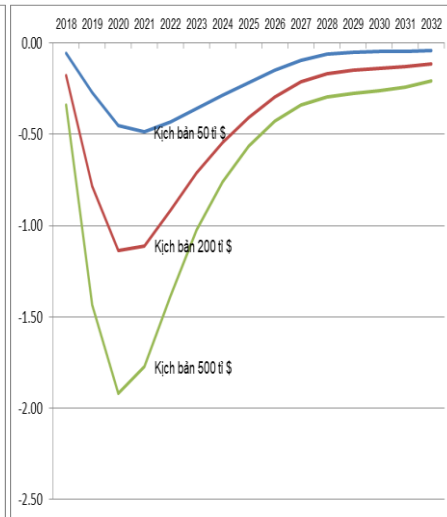
Tác động tới kinh tế thế giới

(% so với kịch bản gốc)

Tăng trưởng



Nhập khẩu



Tác động tới GDP thế giới

(% so với kịch bản gốc)

	T.quốc	N.bản	Mỹ	Hàn Quốc	Sing	Eurozone	Việt Nam
2018	-0.04	-0.03	-0.12	0.01	-0.28	-0.02	-0.10
2019	-0.20	-0.14	-0.41	-0.10	-0.93	-0.12	-0.33
2020	-0.43	-0.20	-0.56	-0.28	-1.22	-0.17	-0.40
2021	-0.56	-0.19	-0.57	-0.40	-1.06	-0.16	-0.36
2022	-0.57	-0.15	-0.52	-0.42	-0.72	-0.13	-0.29
2023	-0.53	-0.13	-0.45	-0.40	-0.44	-0.10	-0.23
2024	-0.46	-0.12	-0.38	-0.37	-0.25	-0.08	-0.17
2025	-0.36	-0.11	-0.31	-0.34	-0.12	-0.07	-0.12
2026	-0.24	-0.10	-0.25	-0.30	-0.04	-0.07	-0.06
2027	-0.13	-0.09	-0.19	-0.27	0.00	-0.06	-0.02
2028	-0.05	-0.08	-0.15	-0.24	0.00	-0.06	0.00
2029	0.00	-0.08	-0.11	-0.22	-0.03	-0.06	0.01
2030	0.01	-0.07	-0.08	-0.21	-0.06	-0.06	0.01
2031	0.01	-0.06	-0.05	-0.20	-0.07	-0.05	0.01
2032	0.00	-0.05	-0.03	-0.19	-0.06	-0.04	0.00

Nguồn: Dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc.

Tác động tới quy mô GDP của các nước (tỉ USD, giá hiện hành, thay đổi so với kịch bản gốc)

	T. quốc	N. bản	Mỹ	Hàn Quốc	Sing	Eurozone	Việt Nam
2018	-6.25	-1.35	-24.39	0.09	-1.07	-3.19	-0.23
2019	-31.76	-7.26	-87.18	-1.83	-3.71	-17.67	-0.79
2020	-73.72	-11.06	-125.67	-5.37	-5.15	-27.49	-1.07
2021	-105.82	-10.95	-133.52	-8.04	-4.79	-27.57	-1.06
2022	-118.61	-9.43	-126.34	-9.12	-3.51	-23.05	-0.94
2023	-120.95	-8.46	-114.58	-9.33	-2.31	-18.55	-0.82
2024	-114.65	-8.24	-101.25	-9.25	-1.44	-15.92	-0.69
2025	-96.91	-8.12	-86.32	-9.03	-0.77	-14.79	-0.52
2026	-69.73	-7.74	-70.81	-8.67	-0.25	-14.36	-0.33
2027	-40.41	-7.28	-56.49	-8.23	0.02	-14.31	-0.14
2028	-16.30	-6.91	-44.46	-7.87	-0.02	-14.39	0.00
2029	-1.26	-6.62	-34.56	-7.67	-0.24	-14.30	0.07
2030	4.71	-6.26	-26.12	-7.61	-0.50	-13.71	0.08
2031	4.47	-5.73	-18.30	-7.61	-0.66	-12.42	0.05
2032	2.08	-4.97	-10.49	-7.55	-0.62	-10.35	0.00

Nguồn: Dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc.

Tác động tới XNK hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia (tỉ USD, giá hiện hành, thay đổi so với KB gốc)

	XK của TQ	NK của TQ	XK của Mỹ	NK của Mỹ	XK của NB	NK của NB	XK của HQ	NK của HQ	XK của Singapore	NK của Singapore
2018	-5.45	-6.84	-6.67	-6.49	-0.33	-1.43	-1.63	-0.68	-1.56	-1.08
2019	-28.18	-38.64	-30.35	-42.46	-5.72	-5.54	-7.41	-4.98	-6.21	-4.54
2020	-42.54	-68.65	-47.42	-56.42	-10.14	-8.61	-12.90	-9.95	-10.24	-7.94
2021	-43.69	-76.90	-51.69	-49.90	-11.67	-9.80	-14.70	-12.01	-11.68	-9.73
2022	-37.11	-68.31	-49.63	-37.49	-11.19	-9.71	-13.51	-11.40	-11.11	-10.08
2023	-28.34	-55.31	-45.98	-26.67	-10.09	-9.02	-11.58	-9.79	-9.96	-9.79
2024	-18.78	-41.88	-42.12	-17.98	-8.97	-8.06	-9.77	-8.15	-8.83	-9.27
2025	-7.77	-27.47	-37.90	-10.68	-7.77	-6.84	-7.98	-6.59	-7.66	-8.53
2026	3.94	-13.40	-33.50	-4.90	-6.53	-5.45	-6.23	-5.10	-6.47	-7.54
2027	14.06	-2.33	-29.52	-0.88	-5.50	-4.17	-4.87	-3.89	-5.53	-6.79
2028	20.51	2.39	-26.39	1.43	-4.91	-3.22	-4.19	-3.22	-5.03	-6.20
2029	22.80	3.01	-23.92	2.32	-4.73	-2.63	-4.08	-3.08	-4.91	-5.87
2030	21.70	1.25	-21.77	3.01	-4.77	-2.27	-4.22	-3.25	-4.96	-5.71
2031	18.81	-0.46	-19.53	3.44	-4.76	-1.97	-4.25	-3.42	-4.94	-5.56
2032	15.76	-0.34	-16.96	4.13	-4.51	-1.59	-3.93	-3.86	-4.67	-5.29

Nguồn: Dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc.



Tác động tới

Việt Nam

Kịch bản **250 tỷ usd**

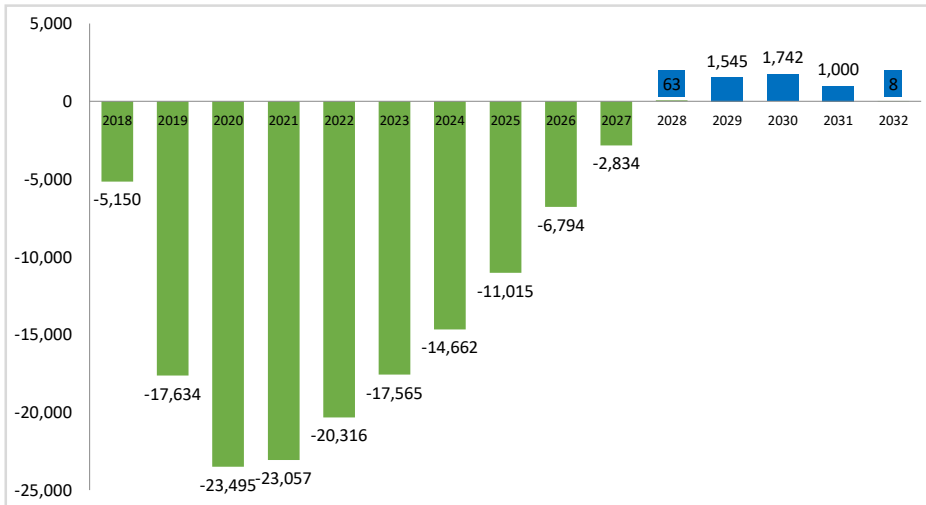
Tác động tới kinh tế Việt Nam

(% so với kịch bản gốc)

	GDP	XK HH&DV	NK HH&DV	Tỉ giá hữu hiệu thực tế	FDI
2018	-0.10	-0.13	-0.09	0.27	-0.003
2019	-0.33	-0.61	-0.52	-0.36	-0.008
2020	-0.40	-0.89	-0.87	-0.57	-0.011
2021	-0.36	-0.91	-1.04	-0.52	-0.016
2022	-0.29	-0.82	-1.09	-0.38	-0.024
2023	-0.23	-0.73	-1.08	-0.25	-0.033
2024	-0.17	-0.65	-1.02	-0.12	-0.044
2025	-0.12	-0.58	-0.92	0.00	-0.055
2026	-0.06	-0.50	-0.78	0.11	-0.066
2027	-0.02	-0.45	-0.63	0.20	-0.077
2028	0.00	-0.41	-0.50	0.24	-0.086
2029	0.01	-0.39	-0.39	0.26	-0.094
2030	0.01	-0.37	-0.30	0.25	-0.101
2031	0.01	-0.35	-0.24	0.24	-0.106
2032	0.00	-0.32	-0.19	0.22	-0.111

Tác động tới GDP Việt Nam

(tỉ VND, giá hiện hành, thay đổi so với KB gốc)



Kịch bản 500 tỷ usd

Tác động tới GDP thế giới (% so với kịch bản gốc)

	T.quốc	N.bản	Mỹ	Hàn Quốc	Sing	Eurozone	Việt Nam
2018	-0.08	-0.05	-0.22	0.00	-0.54	-0.05	-0.16
2019	-0.41	-0.25	-0.75	-0.20	-1.63	-0.22	-0.54
2020	-0.78	-0.33	-1.00	-0.48	-1.90	-0.29	-0.61
2021	-0.95	-0.29	-0.97	-0.64	-1.51	-0.25	-0.49
2022	-0.93	-0.22	-0.86	-0.65	-0.92	-0.18	-0.36
2023	-0.83	-0.19	-0.73	-0.60	-0.48	-0.13	-0.25
2024	-0.68	-0.17	-0.62	-0.54	-0.23	-0.11	-0.17
2025	-0.52	-0.17	-0.51	-0.49	-0.09	-0.10	-0.10
2026	-0.35	-0.16	-0.41	-0.44	-0.03	-0.11	-0.04
2027	-0.21	-0.15	-0.33	-0.40	-0.02	-0.11	0.00
2028	-0.12	-0.14	-0.26	-0.37	-0.05	-0.11	0.02
2029	-0.08	-0.13	-0.21	-0.35	-0.10	-0.11	0.02
2030	-0.07	-0.12	-0.16	-0.33	-0.14	-0.11	0.01
2031	-0.08	-0.11	-0.12	-0.32	-0.14	-0.10	0.00
2032	-0.09	-0.09	-0.09	-0.30	-0.12	-0.08	-0.01

Nguồn: Dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc.

Tác động tới quy mô GDP CỦA CÁC NƯỚC (tỉ USD, giá hiện hành, thay đổi so với kịch bản gốc)

	T.quốc	N.bản	Mỹ	Hàn Quốc	Sing	Eurozone	Việt Nam
2018	-11.54	-2.75	-45.48	0.08	-2.05	-6.31	-0.34
2019	-64.25	-13.37	-162.42	-3.47	-6.47	-32.00	-1.30
2020	-135.15	-18.39	-226.25	-9.14	-8.02	-45.54	-1.61
2021	-182.36	-16.89	-230.65	-12.92	-6.84	-42.09	-1.45
2022	-195.23	-13.94	-211.17	-14.09	-4.52	-32.46	-1.17
2023	-189.05	-12.37	-187.33	-13.91	-2.53	-24.58	-0.92
2024	-170.88	-12.22	-163.87	-13.43	-1.29	-21.17	-0.70
2025	-140.74	-12.44	-140.19	-12.97	-0.57	-21.15	-0.47
2026	-102.84	-12.38	-117.20	-12.52	-0.18	-22.65	-0.23
2027	-66.72	-12.08	-96.87	-12.14	-0.14	-24.50	-0.02
2028	-40.79	-11.74	-79.95	-11.93	-0.41	-25.99	0.10
2029	-28.23	-11.38	-65.90	-11.92	-0.82	-26.54	0.13
2030	-26.96	-10.84	-53.55	-12.04	-1.17	-25.88	0.09
2031	-31.86	-9.99	-41.80	-12.13	-1.29	-23.93	0.01
2032	-37.14	-8.81	-30.04	-12.06	-1.13	-20.84	-0.08

Nguồn: Dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc.

Tác động tới XNK hàng hóa VÀ dịch vụ của một số quốc gia

(tỉ USD, giá hiện hành, thay đổi so với KB gốc)

	XK của TQ	NK của TQ	XK của Mỹ	NK của Mỹ	XK của NB	NK của NB	XK của HQ	NK của HQ	XK của Singapore	NK của Singapore
2018	-11.57	-10.94	-10.72	-12.56	-1.66	-2.72	-3.11	-1.40	-2.99	-1.99
2019	-68.53	-65.37	-47.57	-84.25	-10.19	-10.17	-12.99	-9.11	-10.87	-7.37
2020	-101.83	-111.10	-71.83	-107.83	-16.75	-14.69	-20.76	-16.59	-16.33	-11.64
2021	-103.89	-121.40	-75.05	-91.53	-18.23	-15.87	-22.41	-18.85	-17.53	-13.51
2022	-90.40	-106.02	-69.53	-67.16	-16.62	-15.21	-19.67	-17.04	-15.81	-13.41
2023	-72.49	-83.92	-62.79	-46.35	-14.25	-13.77	-16.05	-13.90	-13.46	-12.54
2024	-53.73	-62.69	-56.75	-30.77	-12.13	-12.05	-13.03	-11.03	-11.52	-11.55
2025	-34.39	-42.80	-51.23	-19.12	-10.46	-10.16	-10.73	-8.87	-9.93	-10.56
2026	-15.75	-25.63	-46.10	-10.74	-9.07	-8.23	-8.85	-7.14	-8.73	-9.69
2027	-0.67	-14.47	-41.73	-5.39	-8.16	-6.59	-7.73	-6.00	-7.96	-8.82
2028	8.79	-10.34	-38.33	-2.45	-7.83	-5.43	-7.41	-5.57	-7.71	-8.36
2029	12.52	-11.42	-35.57	-1.00	-7.95	-4.69	-7.64	-5.63	-7.83	-8.15
2030	12.07	-14.33	-32.79	-0.11	-8.20	-4.13	-7.95	-5.93	-8.00	-8.05
2031	9.81	-15.83	-29.60	0.89	-8.22	-3.65	-7.91	-6.10	-7.91	-7.85
2032	7.85	-14.23	-25.84	2.33	-7.79	-2.95	-7.27	-5.79	-7.41	-7.42

Nguồn: Dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc.

Tác động tới kinh Tế Việt Nam

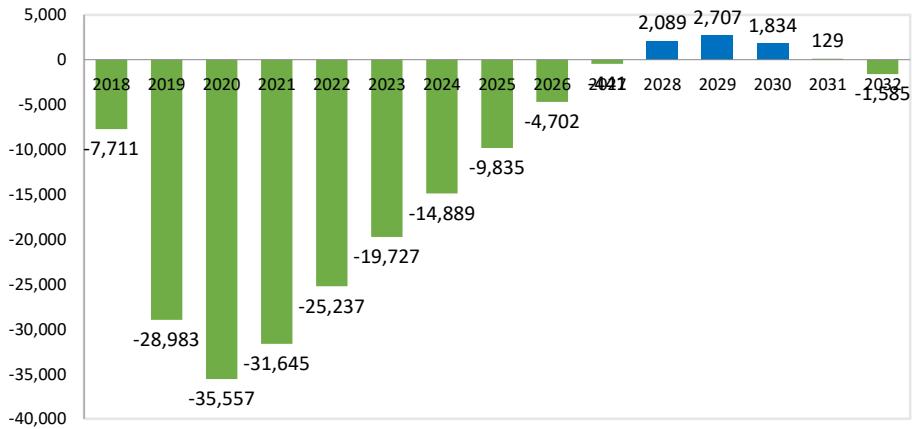
(% so với kịch bản gốc)

	GDP	XK HH&DV	NK HH&DV	Tỉ giá hữu hiệu thực tế	FDI
2018	-0.16	-0.25	-0.19	0.21	-0.003
2019	-0.54	-1.08	-0.94	-0.85	-0.008
2020	-0.61	-1.44	-1.44	-1.10	-0.010
2021	-0.49	-1.38	-1.61	-0.88	-0.015
2022	-0.36	-1.19	-1.61	-0.60	-0.025
2023	-0.25	-1.02	-1.54	-0.36	-0.033
2024	-0.17	-0.90	-1.41	-0.17	-0.053
2025	-0.10	-0.80	-1.23	0.01	-0.063
2026	-0.04	-0.72	-1.03	0.15	-0.083
2027	0.00	-0.66	-0.84	0.24	-0.096
2028	0.02	-0.62	-0.67	0.29	-0.103
2029	0.02	-0.59	-0.54	0.29	-0.113
2030	0.01	-0.57	-0.44	0.28	-0.127
2031	0.00	-0.54	-0.37	0.25	-0.134
2032	-0.01	-0.49	-0.31	0.23	-0.139

Nguồn: Dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc.

Tác động tới GDP của Việt Nam

(tỉ VND, giá hiện hành, thay đổi so với KB gốc)

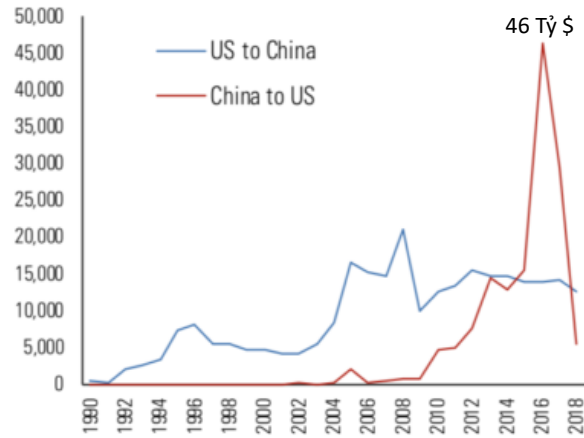


Nguồn: Dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc.



Đầu tư FDI giữa hai bên

FDI từ TQ vào Mỹ giảm 80%, từ 29 tỷ (2017) còn 5 tỷ \$



Source: Rhodium Group. ¹

Khả năng dịch chuyển?

- Thông tin chưa rõ ràng cho dài hạn
- Dòng FDI vào Trung Quốc vẫn lớn
- Bùng nổ FDI vào Việt Nam
- Có dấu hiệu FDI từ TQ vào Việt Nam để tránh thuế



Tác động tới ngành ngân hàng



Tăng trưởng giảm,
nhu cầu vay?

Nhu cầu vay giảm-> Tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng trên thế giới được dự báo giảm, nền kinh tế các mở càng bị tác động mạnh
Singapore chỉ ở mức dưới 0,5% trong năm 2019, giảm mạnh so với 5,6% năm 2017 và 3% năm 2018

Lãi suất cho vay

Để duy trì tăng trưởng, các ngân hàng TW cắt giảm lãi suất, hoặc trì hoãn các kế hoạch tăng lãi suất

- FED giữ nguyên lãi suất có thể giảm vào tháng 7
- ECB giữ nguyên lãi suất tái cấp vốn 0%, áp dụng lãi suất âm (-0.4%) cho các khoản tiền gửi từ các công ty tài chính.
- Philipine: Hạ lãi suất cơ bản còn 4.5% vào 5/2019, (lần đầu tiên sau 7 năm)
- Úc, Malaysia, New Zealand đều hạ lãi suất cơ bản (Úc giảm 0.25 điểm %, còn 1.25%, kéo theo giảm lãi suất của các ngân hàng thương mại như NAB, Commonwealth giảm 0,25 điểm%; ANZ là 0,18%.



Tài trợ thương mại

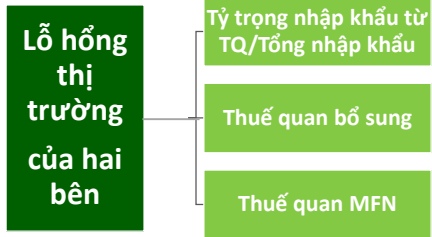
Đối tác, rủi ro thương mại thay đổi hoặc tăng -> nhu cầu bảo lãnh thương mại tăng.

Tập đoàn Citigroup. Doanh thu của khách hàng Citigroup từ các công ty có trụ sở tại Trung Quốc kinh doanh tại các quốc gia khác ở châu Á đã tăng hơn 22% từ tháng 11/2017 đến tháng 11/2018.

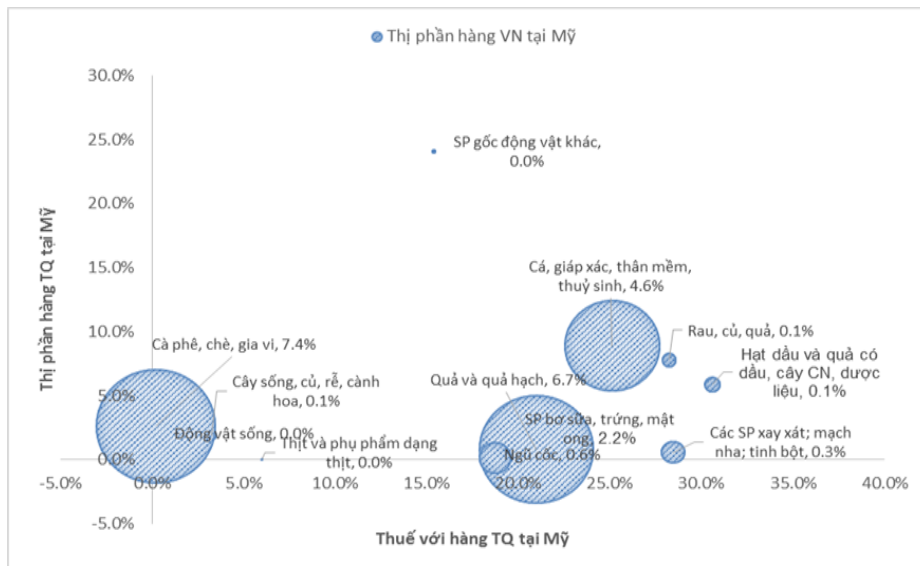
- Giá trị của thư tín dụng của các ngân hàng đã từ 2,3 nghìn tỷ USD năm 2017 lên 2,5 nghìn tỷ USD trong năm 2018.
- Lợi ích ngắn hạn vs. dài hạn



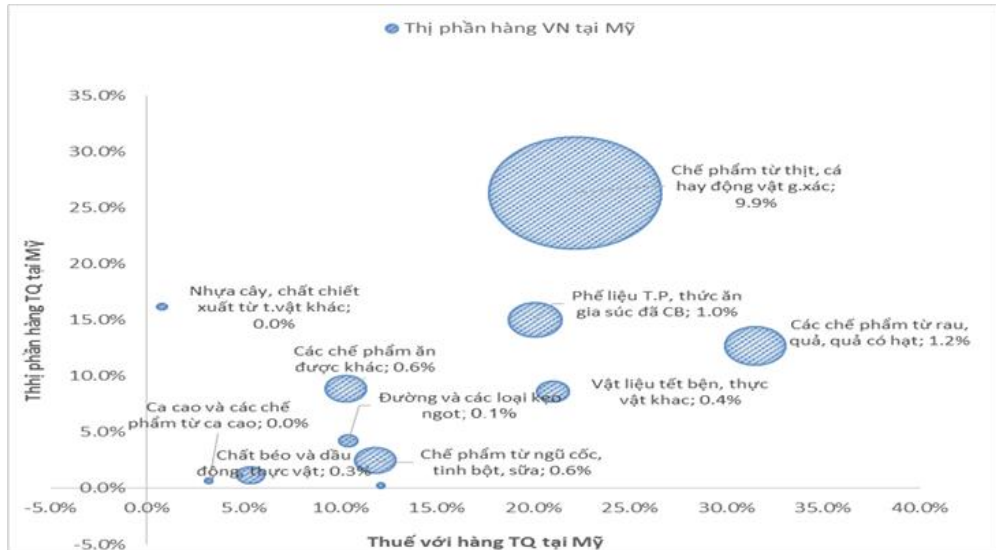
Tác động một số ngành hàng



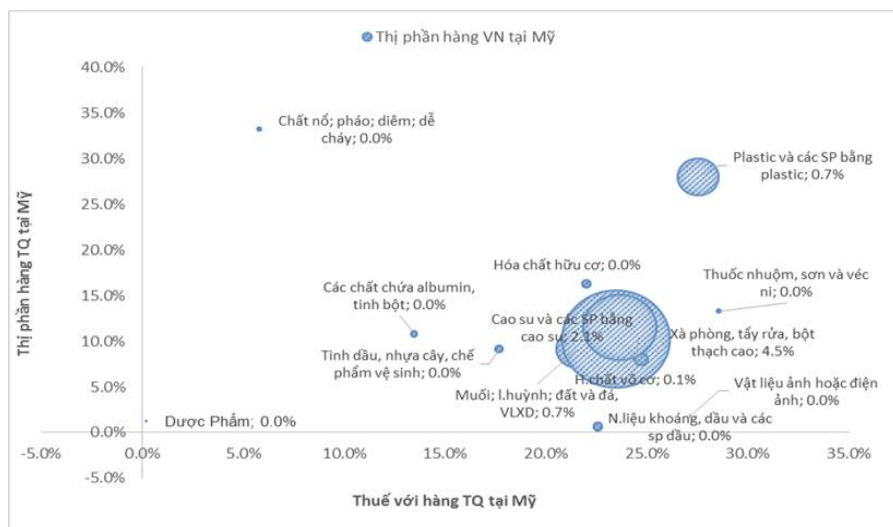
Nhóm nông, lâm thủy hải sản



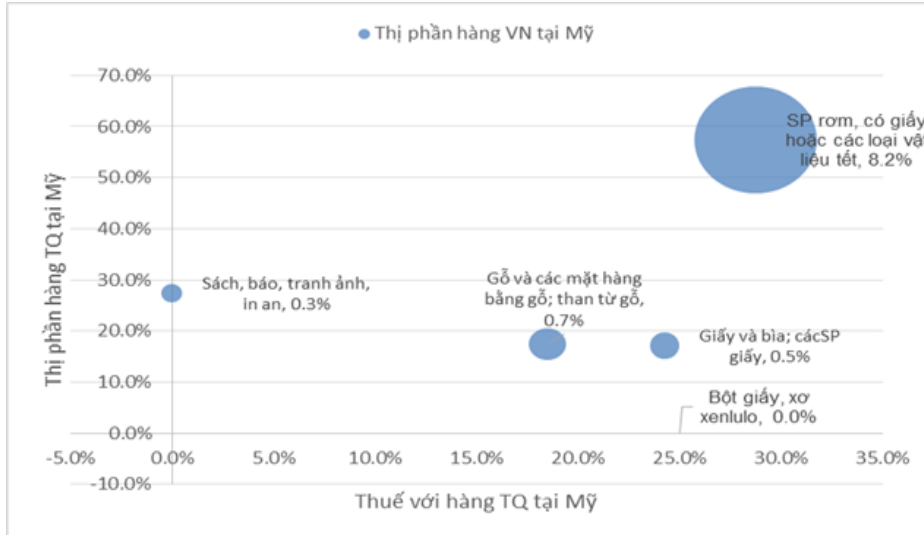
Nhóm thực phẩm chế biến



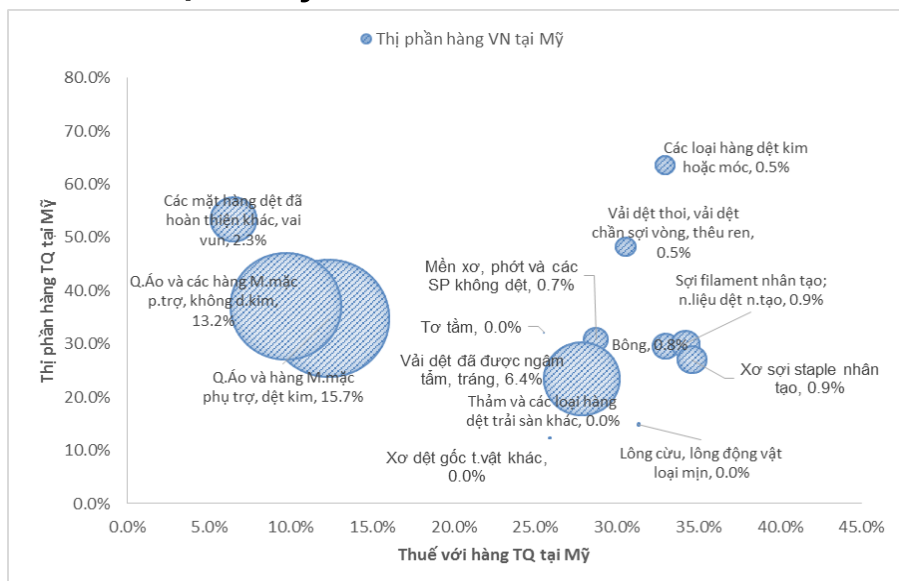
Nhóm hóa chất và nhựa



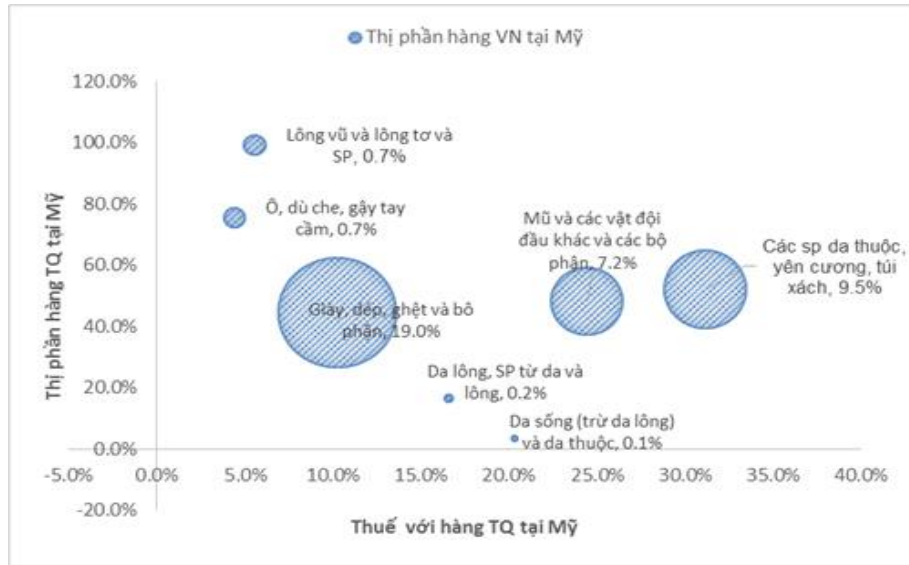
Nhóm gỗ, giấy và sp liên quan



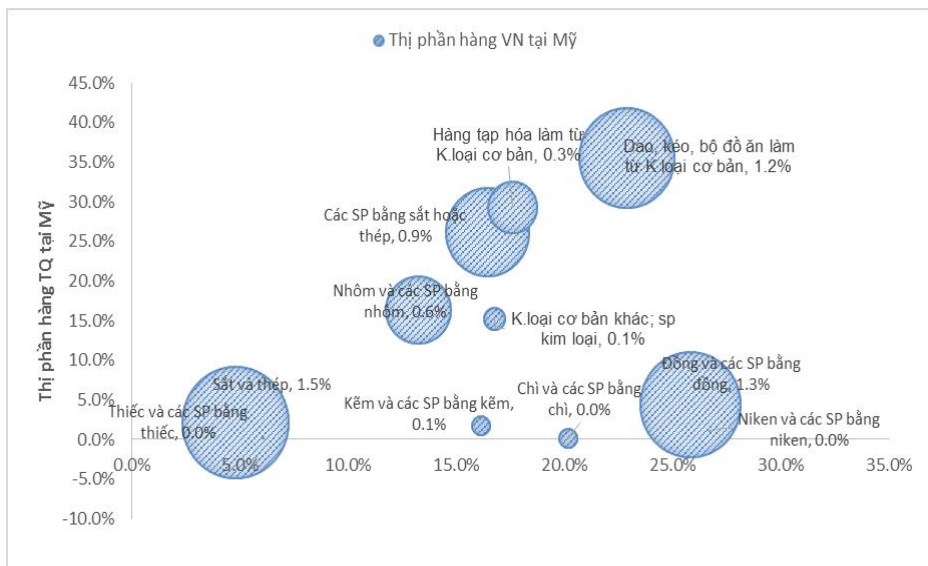
Nhóm dệt may



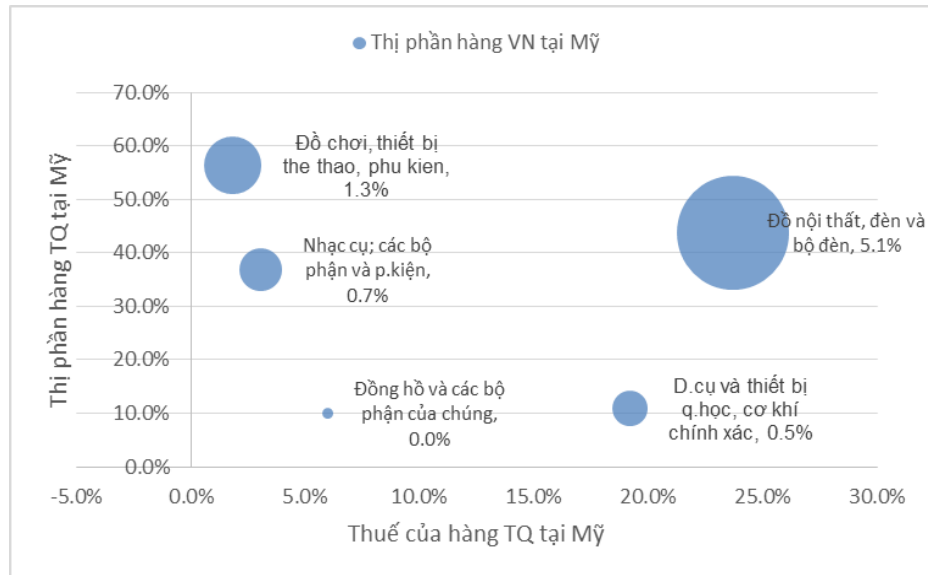
Nhóm da giày



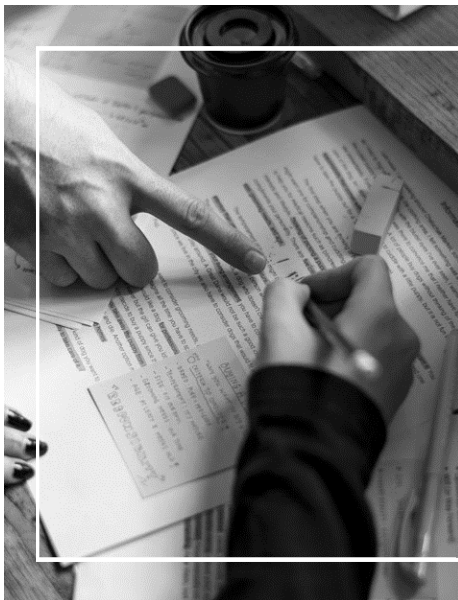
Nhóm kim loại



Nhóm khác



MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ NGỤ Ý CHÍNH SÁCH



- Cơ hội lỗ hổng thị trường lớn, có thể tận dụng trong ngắn hạn
- Cơ hội dịch chuyển đầu tư cũng khá rõ ràng
- Đầu tư theo M&A sẽ gia tăng

MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ NGỤ Ý CHÍNH SÁCH



Những bất lợi là

- (1) thâm hụt của Mỹ với Việt Nam sẽ tăng nhanh, -> có thể kéo theo hệ lụy;
- (2) công suất xuất khẩu không thể tăng nhanh - > chuyển hướng thương mại - > lợi ích không thay đổi nhiều;
- (3) Sức ép phá giá VNĐ tăng nhanh trong trường hợp Trung Quốc phải điều chỉnh NDT và kinh tế Mỹ vẫn tiếp tục phục hồi và các đồng tiền châu Á khác cũng sẽ điều chỉnh.
- (4) Về dài hạn -> tác động tiêu cực tới thương mại,

MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ NGỤ Ý CHÍNH SÁCH



- Rà soát tru đãi đầu tư.
- Chuẩn bị tốt hơn các điều kiện để tiếp nhận làn sóng đầu tư chất lượng cao và đầu tư vào công nghiệp phụ trợ
- Nghiên cứu tận dụng làn sóng dịch chuyển với CPH SOE. Đầu tư theo hình thức M&A
- Nghiên cứu tận dụng cơ hội cũng như các thách thức để cải thiện chuỗi cung ứng của Việt Nam hiện nay
- Rà soát và hoàn thiện khung khổ luật pháp về môi trường
- Nghiên cứu hoàn thiện các quy định về dự phòng rủi ro đối với các doanh nghiệp đầu tư trong nước.